

CHÊNH LỆCH GIÀU NGHÈO Ở HÀ NỘI HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI

LÊ NGỌC HÙNG^(*)

Bối cảnh chung về mức thu nhập và tỉ lệ nghèo ở Việt Nam

Công cuộc đổi mới của Việt Nam trong hơn 25 năm qua đã trực tiếp cải thiện đời sống của nhân dân ở cả thành thị và nông thôn. Mức thu nhập bình quân đầu người Việt Nam tăng từ 295.000 đồng/tháng (năm 1999) lên 995.000 đồng/tháng (năm 2008). Trong cùng thời kỳ này mức thu nhập bình quân đầu người ở thành thị tăng từ 517.000 đồng lên 1.605.000 đồng và ở nông thôn tăng từ 225.000 đồng lên 762.000 đồng (xem bảng 1).

Theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2001-2005 thì những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn miền núi và hải đảo từ 80.000 đồng/người/tháng (960.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực nông thôn đồng bằng những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 100.000 đồng/người/tháng (1.200.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân đầu người từ 150.000 đồng/người/

tháng (1.800.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010 thì ở khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Theo chuẩn nghèo áp dụng tại Hà Nội năm 2005 thì thu nhập bình quân đầu người/tháng dưới 270.000 đồng ở khu vực nông thôn và dưới 350.000 đồng ở khu vực thành thị. Còn ở Tp. Hồ Chí Minh năm 2004 là thu nhập bình quân đầu người dưới 330.000 đồng/tháng hoặc

Bảng 1: Thu nhập bình quân đầu người từ 1999-2008 (nghìn đồng)

TT	Tỷ lệ hộ nghèo	1999	2002	2004	2006	2008
1	Cả nước	295	356	484	636	995
2	Thành thị	517	622	815	1058	1605
3	Nông thôn	225	275	378	506	762

Nguồn: Niên giám thống kê 2009 (1)

(*) GS., TS., Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

4.000.000 đồng/năm (tương ứng 284 USD/năm, thấp hơn tiêu chuẩn 360 USD/năm của quốc tế).

Theo số liệu thống kê tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta từ 2004 đến 2009 liên tục giảm từ 18,1% xuống còn 12,3% (bảng 2). Tuy nhiên tỉ lệ hộ nghèo giảm không đều ở các vùng miền trong cả nước. Tỷ lệ nghèo giảm nhanh ở vùng Đồng bằng sông Hồng từ 12,7% xuống còn 7,7%, nhưng giảm chậm ở vùng trung du, miền núi phía Bắc: từ 29,4% xuống còn 23,5%.

Dựa vào chuẩn nghèo của Ngân hàng Thế giới (WB), ví dụ chuẩn nghèo năm 2004 là 173.000 đồng/người/tháng,

280.000 đồng/tháng, Tổng cục Thống kê xác định được tỉ lệ người nghèo chung hay tỉ lệ nghèo chỉ tiêu cho các năm (xem bảng 3). Các số liệu cho thấy: Việt Nam đã rất thành công trong xóa đói giảm nghèo: tỉ lệ người nghèo giảm mạnh từ 37,4% năm 1998 xuống còn 14,5% năm 2008. Trong sáu vùng, không kể vùng miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng trong đó có Thủ đô Hà Nội là nơi có tỉ lệ nghèo giảm nhanh nhất, giảm hơn 3,5 lần từ 30,7% xuống còn 8%.

So với nông thôn, tỉ lệ nghèo ở thành thị giảm nhanh hơn: năm 2008, tỉ lệ nghèo ở thành thị là 3,3% chỉ bằng

1/6 so với tỉ lệ nghèo ở nông thôn: 18,7%.

Chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam và Hà Nội

Trên phạm vi cả nước, thu nhập bình quân đầu người của các nhóm giàu và nhóm nghèo theo giá thực tế đều tăng. Ví dụ, thu nhập bình quân đầu người của nhóm 20% nghèo

nhất tăng hơn gấp 2,5 lần từ 107.700 đồng/tháng năm 2002 lên 275.000 đồng/tháng năm 2008. Nhưng chênh lệch giàu nghèo về thu nhập bình quân đầu người của nhóm 20% giàu nhất với nhóm 20% nghèo nhất cũng tăng từ 8,1

lần năm 2002 lên 8,9 lần năm 2008 (bảng 4).

Bảng 2: Tỷ lệ hộ nghèo theo các vùng của Việt Nam từ 2004-2009 (%)

TT	Tỷ lệ hộ nghèo	2004	2005	2006	2007	2008
1	Cả nước	18,1	15,5	14,8	13,4	12,3
2	Thành thị	8,6	7,7	7,4	6,7	6,0
3	Nông thôn	21,2	18,0	17,7	16,1	14,8
4	Đồng bằng sông Hồng	12,7	10,0	9,5	8,6	7,7
5	Trung du, miền núi phía Bắc	29,4	27,5	26,5	25,1	23,5
6	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	25,3	22,2	21,4	19,2	17,6
7	Tây Nguyên	29,2	24,0	23,0	21,0	19,5
8	Đông Nam bộ	4,6	3,1	3,0	2,5	2,1
9	Đồng bằng sông Cửu Long	15,3	13,0	12,4	11,4	10,4

Nguồn: Niên giám thống kê 2009 (1)

Bảng 3: Tỷ lệ người nghèo chung theo các vùng ở Việt Nam từ 1998-2008 (%)

TT	Tỷ lệ hộ nghèo ^(*)	1998	2002	2004	2006	2008
1	Cả nước	37,4	28,9	19,5	16,0	14,5
2	Thành thị	9,0	6,6	3,6	3,9	3,3
3	Nông thôn	44,9	35,6	25,0	20,4	18,7
4	Đồng bằng sông Hồng	30,7	21,5	11,8	8,9	8,0
5	Trung du, miền núi phía Bắc	64,5	47,9	38,3	32,3	31,6
6	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	42,5	35,7	25,9	22,3	17,4
7	Tây Nguyên	52,4	51,8	33,1	28,6	24,1
8	Đông Nam bộ	7,6	8,2	3,6	3,8	2,3
9	Đồng bằng sông Cửu Long	36,9	23,4	15,9	10,3	12,3

Nguồn: Niên giám thống kê 2009 (1)

(*) Tỷ lệ nghèo chung hay còn gọi là tỉ lệ nghèo chỉ tiêu theo cách tính của WTO và Tổng Cục Thống kê.

Chênh lệch giàu nghèo ở Hà Nội cũ và Hà Nội mới cũng tăng lên cùng với xu hướng phân hoá giàu nghèo đang tăng lên của cả nước. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giàu nghèo về thu nhập bình quân đầu người của nhóm 20% giàu nhất so với nhóm 20% nghèo nhất của Hà Nội (cũ) chỉ ở mức 6,7 lần, thấp hơn nhiều so với mức chênh lệch giàu nghèo chung của cả nước (8,1 lần) năm 2002 (xem bảng 5). Đến năm 2008, mức chênh lệch giàu nghèo ở Hà Nội cũ đã tăng lên đến 7,1 lần và vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với mức chênh lệch giàu nghèo chung của cả nước (8,9 lần). Nhưng khi Hà Nội cũ mở rộng, bao gồm nhiều huyện nghèo như Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất thì chênh lệch giàu nghèo của Hà Nội tăng lên 8,7 lần, gần bằng mức chênh lệch giàu nghèo của cả nước.

Có thể giải thích điều này như sau:

Bảng 4. Thu nhập bình quân đầu người/tháng chia theo 5 nhóm thu nhập ở Việt Nam (Đơn vị tính: 1000 VNĐ)

Năm	Chung	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chênh lệch 5/1
2002	356,1	107,7	178,3	178,3	251,0	370,5	8,1
2004	448,4	141,8	240,7	240,7	347,0	514,2	8,3
2006	636,5	184,3	318,9	318,9	458,9	678,6	8,4
2008	995,2	275,0	477,2	477,2	699,9	1067,4	8,9

Nguồn: Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2008 (2)

Bảng 5. Thu nhập bình quân đầu người/tháng chia theo 5 nhóm thu nhập ở Hà Nội cũ và Hà Nội mới (Đơn vị tính: 1000 VNĐ)

Năm	Chung	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chênh lệch 5/1
Hà Nội cũ							
2002	621,0	204,6	368,4	499,8	672,8	1360,5	6,7
2004	806,9	255,3	471,4	659,5	908,1	1739,9	6,8
2006	1050,0	329,1	589,2	878,4	1201,0	2252,3	6,8
2008	1719,6	535,1	957,0	1386,5	1933,3	3777,8	7,1
Hà Nội mới							
2008	1296,9	363,4	585,4	889,9	1486,6	3156,2	8,7

Nguồn: Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2008 (2)

năm 1999 Hà Nội (cũ) có gần 58% dân số thành thị trong khi Hà Tây có tới 92% dân số nông thôn. Năm 2009 Hà Nội (mới) có 42% dân số thành thị và 58% dân số nông thôn. Trên thực tế, năm 2008, mức thu nhập bình quân đầu người dân Hà Nội cũ là 1.719.600 đồng/tháng, cao hơn hẳn so với mức thu nhập bình quân đầu người dân Hà Nội mới là 1.296.900 đồng/tháng. Mức thu nhập bình quân đầu người của nhóm 20% nghèo nhất ở Hà Nội cũ là 535.100 đồng/tháng, cao hơn mức thu nhập của nhóm 20% nghèo nhất ở Hà Nội mới là 363.400 đồng. Trong khi đó mức thu nhập trung bình đầu người của nhóm 20% giàu nhất ở Hà Nội cũ là 3.777.800 đồng/tháng so với mức 3.156.200 đồng/tháng ở Hà Nội mới.

Theo chuẩn nghèo mới áp dụng ở Hà Nội, khu vực thành thị những hộ có mức thu nhập bình quân trên 500.000 đồng/người/tháng đến 650.000 đồng/người/tháng là hộ cận nghèo. Tại khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân trên 330.000 đồng/người/tháng đến 430.000 đồng/người/tháng là cận nghèo. Theo thống kê đến tháng 1/2009, toàn thành phố Hà Nội có khoảng 117.000 hộ nghèo với hơn 406.000 nhân khẩu, chiếm 8,43% số hộ toàn thành phố. Hà Nội cũng còn 12/29 quận/huyện có tỷ lệ

hộ nghèo cao trên 10%; 43/577 xã phường có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên, tập trung ở 9 huyện: Ba Vì, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Thạch Thất, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Quốc Oai và Thanh Oai. Hà Nội đang phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo chung mỗi năm từ 1% đến 2%, đến cuối năm 2010 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 4,5% và đến cuối năm 2013 đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 3%, không còn xã nghèo và xã thuộc Chương trình 135.

Trong những năm vừa qua, trung bình mỗi năm Hà Nội giải quyết việc làm cho hơn 100.000 người, đào tạo nghề cho hơn 100.000 lao động, xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của thành phố với nhiều tỉ đồng, xoá nghèo cho hơn hàng chục nghìn hộ gia đình, hỗ trợ xây dựng hàng nghìn ngôi nhà cho hộ nghèo. Tất cả những hoạt động này đều nhằm xoá đói, giảm nghèo và giảm chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, xoá đói và giảm nghèo là cả một quá trình lâu dài đòi hỏi phải thực hiện trong một chiến lược tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội một cách đồng bộ, toàn diện và định hướng bền vững, công bằng xã hội và bình đẳng xã hội.

Từ thực tế phân hoá giàu nghèo đến một số vấn đề lý luận về phân tầng xã hội và phát triển kinh tế xã hội

Về mặt lý thuyết, sự phân hoá giàu nghèo sẽ làm cho người nghèo bị rơi xuống tầng đáy của thang bậc phân tầng xã hội và người giàu nổi lên tầng trên, nắm giữ phần lớn quyền lực, uy tín và của cải của toàn xã hội. Trong quá trình này, rất có thể một số người bị mất tài sản trở nên nghèo đói, nhưng những người đó không hẳn bị rơi xuống tầng đáy của xã hội bởi vì tình trạng đó có thể chỉ mang tính tạm thời. Người nghèo kinh niên có thể may mắn có tài sản, ví

dụ do trúng số độc đắc, nhưng vẫn có thể bị nghèo do không biết sử dụng số tiền kiếm được nhất thời đó. Những người có uy tín xã hội hoặc nắm giữ quyền lực đều có thể trở nên giàu có, nhưng những người giàu chưa chắc đã có uy tín và vị thế cao trong hệ thống phân tầng xã hội. Điều này cho thấy tính phức tạp và năng động của các quá trình di động, cơ động của sự phân tầng xã hội.

Bất bình đẳng xã hội là sự phân hoá xã hội đến mức làm tăng lợi ích của tầng lớp xã hội này với cái giá của sự phương hại lợi ích của nhóm xã hội khác trong cấu trúc phân tầng xã hội nhất định. Sự phân hoá xã hội luôn dẫn đến sự khác nhau, thậm chí là phân tầng xã hội, nhưng không phải sự phân hoá nào, cũng không phải sự phân tầng xã hội nào cũng là sự bất bình đẳng xã hội. Ví dụ, sự khác nhau về năng lực và trình độ học vấn, tay nghề có thể dẫn đến sự khác nhau về thu nhập giữa các nhóm người. Nhưng đây chưa chắc đã là sự bất bình đẳng xã hội bởi vấn đề còn nằm ở chỗ cơ hội học tập và cơ hội việc làm cũng như nhiều yếu tố khác nữa.

Mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội được bộc lộ rõ qua các nghiên cứu về mối tương quan giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng xã hội. Các nhà nghiên cứu không dừng lại ở nhận định rằng kinh tế là nhân tố quyết định của sự bất bình đẳng xã hội mà còn đi sâu tìm hiểu mối tương tác qua lại giữa hai hiện tượng này, đồng thời nhấn mạnh vai trò của việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo để nâng cao vốn người nhằm lợi ích kỳ vọng lâu dài. Điều quan trọng là kết luận này đúng cả với trường hợp ra quyết định của các bậc cha mẹ và nhà doanh nghiệp thuộc cấp vi mô và của các nhà hoạch định chính sách của bộ, ngành và quốc gia thuộc cấp vĩ mô khi họ luôn phải tính toán, so sánh chi phí

trước mắt với lợi ích có thể đạt được trong tương lai. Tầm nhìn xa ở đây được hiểu là kỳ vọng về lợi ích trong tương lai. Một bộ phận người nghèo có tầm nhìn xa khi ra quyết định cho con học lên đại học bằng mọi cách khi bản thân và gia đình họ phải chi phí rất lớn cho quyết định đó: họ có thể phải giảm bớt những mục chi tiêu không trực tiếp liên quan tới việc học tập của con cháu, đồng thời phải tìm cách có thêm thu nhập để bù đắp cho những chi phí học tập. Những bậc cha mẹ nghèo này đã có tầm nhìn xa về khả năng tìm được việc làm ổn định với thu nhập cao của con cái họ. Trên thực tế, những quyết định đầu tư cho con học tập của các bậc cha mẹ này đã được đền đáp: cuộc đời nghèo đói của cha mẹ đã không di truyền cho con cháu, mà trái lại, những người con của họ nhờ kết quả học tập ở bậc đại học nên đã đổi đời nghèo lấy cuộc đời của những người thuộc tầng lớp trung lưu, thậm chí là tầng lớp khá giả.

Một số nhà nghiên cứu về sự tăng trưởng kinh tế ở những nước chậm phát triển và những nước đang phát triển trong nửa cuối thế kỷ XX đã tập trung vào vấn đề nghèo đói và tăng trưởng kinh tế. Một trong những kết luận có tính phương pháp luận đối với các quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở những nước này là: hãy bắt đầu từ những người nghèo khổ (3). Theo quan điểm này, tăng trưởng kinh tế bắt đầu không phải từ việc vay vốn hay đổi mới kỹ thuật đơn thuần mà là từ việc tìm hiểu những khó khăn, những mối quan tâm của người nghèo và tìm cách giúp người nghèo phát triển năng lực để họ tự xoá đói, giảm nghèo. Sự nghèo khổ biểu hiện ra là sự thiếu thốn các phương tiện vật chất để sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của cá nhân và gia đình. Nhưng thất học, ốm đau bệnh tật, sự cô lập,

hoặc bạo lực gia đình cũng có thể gây thất nghiệp và giảm thu nhập dẫn đến sự nghèo đói. Các tác giả này đã phác hoạ được các yếu tố cơ bản của vòng luẩn của đói nghèo và gọi nó là “bẫy nghèo khổ”.

Amartya Sen - nhà kinh tế học người Ấn Độ được giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1999 đã đưa ra thuyết “*Phát triển là mở rộng quyền lựa chọn*” thay cho thuyết “*Phát triển là tăng trưởng kinh tế*” (4). Do vậy, sự phát triển bền vững bao hàm sự phát triển văn hoá, giáo dục, sức khoẻ, là sự mở rộng quyền tham gia quản lý xã hội, quyền lựa chọn các cơ hội, là nâng cao năng lực thực hiện các quyền và thực hiện các quyết định đã lựa chọn cho mọi người. Do đó, người nghèo cần phải lên tiếng về sự nghèo khổ và các nhà nghiên cứu cần thông tin chính xác và đầy đủ về tình trạng phân hoá giàu nghèo và xu hướng biến đổi cơ cấu phân tầng xã hội để các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh, đổi mới các chương trình hành động cho phù hợp.

Có thể nói, Amartya Sen là người có công mở ra trào lưu xem xét vấn đề bất bình đẳng xã hội và tăng trưởng kinh tế từ góc độ xã hội học kinh tế liên ngành ở cuối thế kỷ XX. Bởi vì, ông đã nhấn mạnh tới quyền của con người, tới vai trò của việc mở rộng quyền và nâng cao năng lực thực hiện các quyền tự do kinh doanh, học tập, chăm sóc sức khoẻ và tham gia vào các quá trình chính trị-xã hội trong xoá đói giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Một số nhà kinh tế học nổi tiếng khác như Joseph Stiglitz đã phát triển hướng tiếp cận này khi đưa ra thuyết phát triển toàn diện trong đó nhấn mạnh vai trò của thông tin và sự tham gia của người dân trong các quá trình của xã hội. Không chỉ người nghèo mà tất cả các

tầng lớp xã hội đều cần được tham gia vào các quá trình quản lý xã hội để thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội. Tương tự như việc phát triển năng lực con người là mục tiêu của sự phát triển, bản thân sự tham gia xã hội cũng trở thành mục tiêu của sự phát triển xã hội. Tính cơ động và sự di động xã hội sẽ tăng lên và các cơ hội phát triển sẽ mở ra nhiều hơn với sự tham gia chủ động và tích cực của các cá nhân, gia đình, tổ chức, tầng lớp, giai tầng xã hội. Do đó, việc tôn trọng quyền con người trong quá trình phát triển xã hội và nhất là việc nâng cao năng lực thực hiện các quyền đã được ghi trong pháp luật, việc thực hiện dân chủ hoá, việc mở rộng các cơ hội tham gia vào quá trình xã hội là những yếu tố mới góp phần xoá đói, giảm nghèo và cải thiện đời sống của các giai tầng xã hội.

Kết luận

Sự phân hoá giàu nghèo và phân tầng xã hội ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng cũng diễn ra theo xu hướng chung của lịch sử xã hội loài người, tức là những người giàu có thường chiếm tầng lớp trên và những người nghèo đói bị rơi xuống tầng lớp dưới. Tuy nhiên, xu hướng phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội ở Việt Nam được điều tiết bởi đường lối, chính sách lãnh đạo quản lý định hướng XHCN, tức là một mặt khuyến khích làm giàu chính đáng và mặt khác hỗ trợ xoá đói giảm nghèo cho các nhóm xã hội yếu thế ở thành thị, nông thôn và nhất là đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

Trong thời gian qua ở Việt Nam đã hình thành một số xu hướng biến đổi phân tầng xã hội như sau: Tỷ lệ nghèo của Việt Nam giảm nhanh chóng trong thời gian qua và tiếp tục giảm cùng với mức sống của các giai tầng xã hội được

cải thiện không ngừng. Khoảng cách thu nhập và chi tiêu của nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất tăng lên chậm chạp với tốc độ trung bình khoảng một lần/10 năm. Sự phân phân hoá giàu nghèo và phân tầng xã hội diễn không đồng đều và không giống nhau trên cùng một địa bàn: ở Hà Nội cũng như trên phạm vi cả nước, đa số người nghèo sống ở nông thôn và đa số người giàu sống ở thành thị.

Mặc dù Việt Nam là một nước còn nghèo, nhưng nhờ công cuộc đổi mới kinh tế-xã hội nên vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế đang được củng cố và tăng lên. Mặc dù nguy cơ tụt hậu về kinh tế vẫn còn rất lớn, nhưng khoảng cách chênh lệch về kinh tế-xã hội của Việt Nam so với các quốc gia khác đang được cải thiện rõ rệt. Hà Nội là một trong những thành phố đi đầu trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo, kiềm chế chênh lệch giàu nghèo và định hướng, điều chỉnh sự phân tầng xã hội nhằm mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội phát triển công bằng, dân chủ và văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Niên giám thống kê 2009. H.: Thống kê, 2010.
2. Tổng cục Thống kê. Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2008. H.: 2010.
3. Robert Chambers. Phát triển nông thôn: Hãy bắt đầu từ những người nghèo khổ. H.: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1991.
4. Amartya Sen. Phát triển là quyền tự do. H.: Thống kê, 2002.
5. Ngân hàng Phát triển châu (ADB) và các nhà tài trợ. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004: Nghèo. H.: 2005